Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT
Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật

1.1. Giới thiệu chung về dự án/dự toán mua sắm, gói thầu

- Tên dự toán mua sắm: Vật tư lấy mẫu thực hiện các Chương trình phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn năm 2025 cho Trung tâm chẩn đoán và xét nghiệm thú y Trung ương I.

- Tên gói thầu: Mua vật tư, nguyên liệu dùng trong chẩn đoán xét nghiệm bệnh động vật phục vụ công tác phòng chống dịch bệnh động vật trên cạn năm 2025.

- Địa điểm thực hiện: Trung tâm Chẩn đoán và Xét nghiệm thú y Trung ương I - Thôn Tân Trung Chùa, Xã Nội Bài, thành phố Hà Nội.

- Quy mô của dự toán mua sắm: Chi tiết số lượng tại Phạm vi cung cấp.

- Yêu cầu về cung cấp hàng hóa: Cung cấp hàng hóa có thông số kỹ thuật đáp ứng quy định tại Mục 1.2 Chương V của E-HSMT.

- Thời gian thực hiện hợp đồng: 60 ngày.

1.2. Yêu cầu về kỹ thuật

1.2.1. Yêu cầu chung

- Yêu cầu về chủng loại, tiêu chuẩn hàng hoá: Cam kết các sản phẩm nhà thầu cung cấp phải mới 100%, chưa qua sử dụng, có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng, đúng chủng loại, đảm bảo chất lượng theo yêu cầu của Chủ đầu tư.

- Cam kết cung cấp đầy đủ Giấy chứng nhận xuất xứ (CO) đối với hàng hóa nhập khẩu hoặc Giấy chứng nhận xuất xưởng đối với hàng hoá sản xuất trong nước; Giấy chứng nhận chất lượng (CQ) của nhà sản xuất hoặc các tài liệu tương đương chứng minh xuất xứ của hàng hóa (nếu chủ đầu tư có yêu cầu).

- Yêu cầu về vận chuyển: Nhà thầu phải vận chuyển, bàn giao hàng hóa đến địa điểm yêu cầu của Chủ đầu tư. Nhà thầu tự chịu toàn bộ chi phí và rủi ro có thể xảy ra trong quá trình vận chuyển hàng hoá, bao gồm cả quá trình kiểm tra và thử nghiệm hàng hóa.

- Nhà thầu phải nộp trong E-HSDT tập tin **(định dạng file excel)** bảng đáp ứng cấu hình, đặc tính, thông số kỹ thuật hàng hóa chào thầu theo biểu mẫu quy định tại Mục 1.3, Chương V E-HSMT.

1.2.2. Yêu cầu chi tiết

Hàng hóa nhà thầu đề xuất phải tuân thủ thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn tối thiểu sau đây:

Hạng mục số	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
A	**VẬT TƯ, NGUYÊN LIỆU THỰC HIỆN KẾ HOẠCH QUỐC GIA PHÒNG, CHỐNG BỆNH DỊCH TẢ LỢN CHÂU PHI**	
I	**Vật tư xét nghiệm - Giám sát sự lưu hành của vi rút DTLCP**	
1	Kit chiết tách RNA/DNA	Mục đích: Tách chiết DNA/RNA của vi rút Loại mẫu: huyễn dịch, mẫu huyết thanh và môi trường bảo quản. Thành phần: ≥18 mL Magnetic Bead, ≥180mL Lysis Buffer, ≥135mL Washing Buffer A, ≥40mL Washing Buffer B, ≥64mL Eluting Buffer Công nghệ: Công nghệ tách chiết từ tính bằng các hạt từ phủ silica; Đóng gói: ≥320 test/bộ Hạn sử dụng ≥ 10 tháng kể từ ngày giao
2	Kit nhân gen	Mục tiêu: Sử dụng cho phản ứng qRT-PCR sử dụng khuôn mẫu là RNA Phương pháp: 1-step RT-qPCR Dùng trong: Biểu hiện gen, phát hiện mầm bệnh, phát hiện virus Bảo quản: -20°C; Đóng gói: ≥100 phản ứng/ Kít Hạn sử dụng ≥ 12 tháng kể từ ngày giao
3	Tip lọc 1000ul	Đóng gói: 100 cái/ hộp Dải thể tích: 100-1000 µl Đầu tip có lọc, màng lọc trơ, ngăn ngừa nhiễm. Bộ lọc không chứa tạp chất. Kích thước lỗ nhỏ, <20 microns Chất liệu Polypropylene Chiều dài tip ≥72.3 mm Đã tiệt trùng Không chia vạch Không có RNase/DNase Không chứa DNA người Không chứa chất ức chế PCR Không chứa Pyrogen Tuân theo tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương Hạn sử dụng ≥ 12 tháng kể từ ngày giao
4	Tip lọc 200ul	Đóng gói: ≥96 cái/ hộp Dải thể tích: 1-200 µl Đầu tip có lọc, màng lọc trơ, ngăn ngừa nhiễm. Bộ lọc không chứa tạp chất. Kích thước lỗ nhỏ, <20 microns

Hạng mục số	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
		Chất liệu Polypropylene Chiều dài tip ≥58.57 mm Đã tiệt trùng Chia vạch: 10, 50, 100 µl Không có RNase/DNase Không chứa DNA người Không chứa chất ức chế PCR Không chứa Pyrogen Tuân theo tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương Hạn sử dụng ≥ 12 tháng kể từ ngày giao
5	Tip lọc 20ul	Đầu tip có lọc 20 µL Chất liệu: polypropylene Đã tiệt trùng Chiều dài ≥5.1 cm Không chứa DNase, RNase, DNA, ATP, PCR Inhibitor, và Pyrogen Đóng gói: ≥96 cái/ hộp Hạn sử dụng ≥ 12 tháng kể từ ngày giao
6	Ống Eppendorf 1,7 ml	Thể tích: 1.7 ml Chất liệu Polypropylene Chiều dài ống ≥38.98 mm Chịu được lực ly tâm ≥ 24.000 xg Dải nhiệt độ: -80°C đến + 121°C Phù hợp với hầu hết các rotor tiêu chuẩn Không bị bật nắp do áp suất Đóng gói: ≥500 cái/ túi Hạn sử dụng ≥ 8 tháng kể từ ngày giao
7	Virkon	Đóng gói: ≥500 g/túi Đặc trưng sản phẩm: - Thành phần: + Peroxygen (Potassium monopersulphate triple salt) ≥49,8% + Organic acid (Malid acid) ≥9,3% + Inorganic buffer system (Sodium hexametaphosphate, Sodium chloride, Sulphamic acid) ≥9,3% + Surfactant (Sodium dodecyl benzene sulphonate) ≥13,3% - Dạng bột. - Thuốc sát trùng bề mặt chuồng trại, dụng cụ, xe cộ, hệ thống cấp nước, nước uống, không khí, hố

Hạng mục số	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
		nhúng giày ủng, bánh xe. Hạn sử dụng ≥ 8 tháng kể từ ngày giao
8	Găng tay	Chất liệu: cao su Nitril nhân tạo Loại không bột chưa tiệt trùng: dùng cho cả 2 tay; bề mặt đầu ngón tay nhám; xe viền cổ tay Tiêu chuẩn chất lượng: Phù hợp với các tiêu chuẩn ASTM D6319, EN455. Sản xuất theo hệ thống quản lý chất lượng ISO 13485:2016; ISO 22000:2018; ISO 9001:2015; SA 8000:2014 hoặc tương đương Chiều dài: ≥230 min Chiều rộng: 75 ± 5 (XS), 85 ± 5 (S), 95 ± 5 (M), 105 ± 5 (L), 115 ± 5 (XL) Độ dày: ≥0.08 min (Ngón tay), ≥0.06 min (Lòng bàn tay) Đóng gói: ≥50 đôi/ Hộp Hạn sử dụng ≥ 12 tháng kể từ ngày giao
9	Khẩu trang y tế	Đóng gói: ≥50 cái/hộp Thành phần: Vải không dệt 3 lớp; dây thun móc tai; nẹp mũi nhựa (hoặc kim loại) Ứng dụng: Khẩu trang y tế tác dụng hiệu quả trong việc ngăn ngừa bụi, vi khuẩn và các bệnh lây qua đường hô hấp Độ lọc: khuẩn BFE (%) ≥ 95%; hạt PFE (%) ≥ 95% Đạt tiêu chuẩn: TCVN 8389-1:2010, EN14683:2019, ASTM F2100-19 hoặc tương đương
II	**Vật tư tiêu hao - Đánh giá hiệu lực vắc xin DTLCP**	
10	Kit ELISA ASF Ab	Kit Elisa dùng để phát hiện kháng thể kháng vi rút dịch tả heo châu Phi trong mẫu huyết thanh heo. Độ nhạy ≥ 99% Độ đặc hiệu ≥ 99% Kháng nguyên phủ đĩa: vp72 Kỹ thuật: Blocking ELISA Thành phần bộ kit: - Đĩa phản ứng (96 giếng/đĩa): ≥05 đĩa - Đối chứng dương: 02 lọ (≥1 ml/ lọ) - Đối chứng âm: 02 lọ (≥1 ml/ lọ) - Conjugate 100X: 2 lọ (≥350 µl /lọ) - Dung dịch rửa 25X: 1 lọ (≥125 ml/lọ) - Dung dịch pha loãng Conjugate : 1 lọ

Hạng mục số	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
		(≥125ml/lọ) - Dung dịch pha loãng huyết thanh: 1 lọ (≥60ml/lọ) - Dung dịch tạo màu TMB: 01 lọ (≥60 ml/lọ) - Dung dịch dừng phản ứng: 01 lọ (≥60ml/lọ) Đóng gói: ≥5 đĩa x 96 giếng/ Kit Hạn sử dụng ≥ 8 tháng kể từ ngày giao
11	Kit chiết tách RNA/DNA	Mục đích: Tách chiết DNA/RNA của vi rút Loại mẫu: huyễn dịch, mẫu huyết thanh và môi trường bảo quản. Thành phần: ≥18 mL Magnetic Bead, ≥180mL Lysis Buffer, ≥135mL Washing Buffer A, ≥40mL Washing Buffer B, ≥64mL Eluting Buffer Công nghệ: Công nghệ tách chiết từ tính bằng các hạt từ phủ silica; Đóng gói: ≥320 test/bộ Hạn sử dụng ≥ 10 tháng kể từ ngày giao
12	Kit nhân gen	Mục tiêu: Sử dụng cho phản ứng qRT-PCR sử dụng khuôn mẫu là RNA Phương pháp: 1-step RT-qPCR Dùng trong: Biểu hiện gen, phát hiện mầm bệnh, phát hiện virus Bảo quản: -20°C; Đóng gói: ≥100 phản ứng/ Kít Hạn sử dụng ≥ 12 tháng kể từ ngày giao
13	Kit nhân gen qScript XLT One-Step RT-qPCRToughMix	Mục tiêu: Sử dụng cho phản ứng RT-qPCR sử dụng khuôn mẫu là RNA Thể tích cho 1 phản ứng là 20 µL Độ đặc hiệu: Là sản phẩm lý tưởng cho việc định lượng virus RNA Thành phần: Dung dịch đệm phản ứng 2X chứa dATP, dCTP, dGTP, dTTP, magnesium chloride, qScript XLT reverse transcriptase, RNase inhibitor protein, hot-start DNA polymerase, AccuVue blue qPCR dye và stabilizers. Bảo quản: -15°C đến -25°C, tránh ánh sáng Đóng gói: ≥500 phản ứng/bộ Hạn sử dụng ≥ 8 tháng kể từ ngày giao
14	Ống Eppendorf 1,7 ml	Thể tích: 1.7 ml Chất liệu Polypropylene Chiều dài ống ≥38.98 mm Chịu được lực ly tâm ≥ 24.000 xg

Hạng mục số	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
		Dải nhiệt độ: -80°C đến + 121°C Phù hợp với hầu hết các rotor tiêu chuẩn Không bị bật nắp do áp suất Đóng gói: ≥500 cái/ túi Hạn sử dụng ≥ 8 tháng kể từ ngày giao
15	Syringe 5ml	Đóng gói: ≥100 cái/ hộp Loại 5ml; Vật liệu làm đốc kim, nắp đậy đầu kim: Nhựa PP nguyên sinh dùng trong y tế. Chất liệu làm thân kim tiêm: Thép không gỉ, có đủ độ cứng cơ khí và không bị oxy hóa. Piston di chuyển dễ dàng trong xilanh, khí và dung dịch không lọt qua giăng ở đầu bịt piston. Hạn sử dụng ≥ 12 tháng kể từ ngày giao
16	Tip lọc 1000ul	Đóng gói: ≥100 cái/ hộp Dải thể tích: 100-1000 µl Đầu tip có lọc, màng lọc trơ, ngăn ngừa nhiễm. Bộ lọc không chứa tạp chất. Kích thước lỗ nhỏ, <20 microns Chất liệu Polypropylene Chiều dài tip ≥72.3 mm Đã tiệt trùng Không chia vạch Không có RNase/DNase Không chứa DNA người Không chứa chất ức chế PCR Không chứa Pyrogen Tuân theo tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương Hạn sử dụng ≥ 12 tháng kể từ ngày giao
17	Tip lọc 200ul	Đóng gói: ≥96 cái/ hộp Dải thể tích: 1-200 µl Đầu tip có lọc, màng lọc trơ, ngăn ngừa nhiễm. Bộ lọc không chứa tạp chất. Kích thước lỗ nhỏ, <20 microns Chất liệu Polypropylene Chiều dài tip ≥58.57 mm Đã tiệt trùng Chia vạch: 10, 50, 100 µl Không có RNase/DNase Không chứa DNA người Không chứa chất ức chế PCR

Hạng mục số	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
		Không chứa Pyrogen Tuân theo tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương Hạn sử dụng ≥ 12 tháng kể từ ngày giao
18	Tip lọc 20ul	Đầu tip có lọc 20 µL Chất liệu: polypropylene Đã tiệt trùng Chiều dài ≥5.1 cm Không chứa DNase, RNase, DNA, ATP, PCR Inhibitor, và Pyrogen Đóng gói: ≥96 cái/ hộp Hạn sử dụng ≥ 12 tháng kể từ ngày giao
19	Găng tay	Chất liệu: cao su Nitril nhân tạo Loại không bột chưa tiệt trùng: dùng cho cả 2 tay; bề mặt đầu ngón tay nhám; xe viền cổ tay Tiêu chuẩn chất lượng: Phù hợp với các tiêu chuẩn ASTM D6319, EN455. Sản xuất theo hệ thống quản lý chất lượng ISO 13485:2016; ISO 22000:2018; ISO 9001:2015; SA 8000:2014 hoặc tương đương Chiều dài: ≥230 min Chiều rộng: 75 ± 5 (XS), 85 ± 5 (S), 95 ± 5 (M), 105 ± 5 (L), 115 ± 5 (XL) Độ dày: ≥0.08 min (Ngón tay), ≥0.06 min (Lòng bàn tay) Đóng gói: ≥50 đôi/ Hộp Hạn sử dụng ≥ 12 tháng kể từ ngày giao
20	Khẩu trang y tế	Đóng gói: ≥50 cái/hộp Thành phần: Vải không dệt 3 lớp; dây thun móc tai; nẹp mũi nhựa (hoặc kim loại) Ứng dụng: Khẩu trang y tế tác dụng hiệu quả trong việc ngăn ngừa bụi, vi khuẩn và các bệnh lây qua đường hô hấp Độ lọc: khuẩn BFE (%) ≥ 95%; hạt PFE (%) ≥ 95% Đạt tiêu chuẩn: TCVN 8389-1:2010, EN14683:2019, ASTM F2100-19 hoặc tương đương
B	**VẬT TƯ, NGUYÊN LIỆU THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH QUỐC GIA PHÒNG, CHỐNG BỆNH DẠI**	
I	**Nguyên liệu xét nghiệm - Giám sát lưu hành vi rút Dại do Chi cục CNTY vùng I gửi mẫu**	

Hạng mục số	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
21	Kháng thể huỳnh quang	Kháng thể huỳnh quang: Sử dụng để chẩn đoán trong quy trình kháng thể huỳnh quang trực tiếp phát hiện bệnh Dại trong não và tuyến dưới màng cứng. Kháng thể FITC Anti- Rabies - Monoclonal Glubulin, sản phẩm dưới dạng đông khô và hoàn nguyên cùng nước cất lượng là 5.0ml; Kháng thể dạng đông khô được bảo quản ở 2 đến 8 °C; Đóng gói: ≥5ml/ Lọ Hạn sử dụng ≥ 8 tháng kể từ ngày giao
22	Kit chiết tách RNA/DNA	Mục đích: Tách chiết DNA/RNA của vi rút Loại mẫu: huyễn dịch, mẫu huyết thanh và môi trường bảo quản. Thành phần: ≥18 mL Magnetic Bead, ≥180mL Lysis Buffer, ≥135mL Washing Buffer A, ≥40mL Washing Buffer B, ≥64mL Eluting Buffer Công nghệ: Công nghệ tách chiết từ tính bằng các hạt từ phủ silica; Đóng gói: ≥320 test/bộ Hạn sử dụng ≥ 10 tháng kể từ ngày giao
23	Kit nhân gen	Mục tiêu: Sử dụng cho phản ứng qRT-PCR sử dụng khuôn mẫu là RNA Phương pháp: 1-step RT-qPCR Dùng trong: Biểu hiện gen, phát hiện mầm bệnh, phát hiện virus Bảo quản: -20°C; Đóng gói: ≥100 phản ứng/ Kít Hạn sử dụng ≥ 12 tháng kể từ ngày giao
24	Khẩu trang y tế	Đóng gói: ≥50 cái/hộp Thành phần: Vải không dệt 3 lớp; dây thun móc tai; nẹp mũi nhựa (hoặc kim loại) Ứng dụng: Khẩu trang y tế tác dụng hiệu quả trong việc ngăn ngừa bụi, vi khuẩn và các bệnh lây qua đường hô hấp Độ lọc: khuẩn BFE (%) ≥ 95%; hạt PFE (%) ≥ 95% Đạt tiêu chuẩn: TCVN 8389-1:2010, EN14683:2019, ASTM F2100-19 hoặc tương đương
II	**Nguyên liệu xét nghiệm - Giám sát lưu hành vi rút Dại do Chi cục CNTY vùng II gửi mẫu**	

Hạng mục số	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
25	Kit nhân gen	Mục tiêu: Sử dụng cho phản ứng qRT-PCR sử dụng khuôn mẫu là RNA Phương pháp: 1-step RT-qPCR Dùng trong: Biểu hiện gen, phát hiện mầm bệnh, phát hiện virus Bảo quản: -20°C; Đóng gói: ≥100 phản ứng/ Kít Hạn sử dụng ≥ 12 tháng kể từ ngày giao
26	Kháng thể huỳnh quang	Kháng thể huỳnh quang: Sử dụng để chẩn đoán trong quy trình kháng thể huỳnh quang trực tiếp phát hiện bệnh Dại trong não và tuyến dưới màng cứng. Kháng thể FITC Anti- Rabies - Monoclonal Glubulin, sản phẩm dưới dạng đông khô và hoàn nguyên cùng nước cất lượng là 5.0ml; Kháng thể dạng đông khô được bảo quản ở 2 đến 8 °C; Đóng gói: ≥5ml/ Lọ Hạn sử dụng ≥ 8 tháng kể từ ngày giao
27	Ethanol Absolute	Độ tinh khiết ≥ 99.9 % Dùng cho phân tích Bảo quản nhiệt độ phòng Đóng chai: ≥2.5 lit/ chai Hạn sử dụng ≥ 12 tháng kể từ ngày giao
28	Aceton	Dùng cho phân tích Dạng lỏng, không màu Đóng gói: ≥2.5 Lit/ Chai Hạn sử dụng ≥ 12 tháng kể từ ngày giao
29	Tip lọc 1000ul	Đóng gói: ≥100 cái/ hộp Dải thể tích: 100-1000 µl Đầu tip có lọc, màng lọc trơ, ngăn ngừa nhiễm. Bộ lọc không chứa tạp chất. Kích thước lỗ nhỏ, <20 microns Chất liệu Polypropylene Chiều dài tip ≥72.3 mm Đã tiệt trùng Không chia vạch Không có RNase/DNase Không chứa DNA người Không chứa chất ức chế PCR Không chứa Pyrogen

Hạng mục số	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
		Tuân theo tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương Hạn sử dụng ≥ 12 tháng kể từ ngày giao
30	Tip lọc 200ul	Đóng gói: ≥96 cái/ hộp Dải thể tích: 1-200 µl Đầu tip có lọc, màng lọc trơ, ngăn ngừa nhiễm. Bộ lọc không chứa tạp chất. Kích thước lỗ nhỏ, <20 microns Chất liệu Polypropylene Chiều dài tip ≥58.57 mm Đã tiệt trùng Chia vạch: 10, 50, 100 µl Không có RNase/DNase Không chứa DNA người Không chứa chất ức chế PCR Không chứa Pyrogen Tuân theo tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương Hạn sử dụng ≥ 12 tháng kể từ ngày giao
31	Tip lọc 20ul	Đầu tip có lọc 20 µL Chất liệu: polypropylene Đã tiệt trùng Chiều dài ≥5.1 cm Không chứa DNase, RNase, DNA, ATP, PCR Inhibitor, và Pyrogen Đóng gói: ≥96 cái/ hộp Hạn sử dụng ≥ 12 tháng kể từ ngày giao
32	Đầu tip 200 µl không lọc	Dải thể tích: 1-200 µl Đầu tip không lọc Chất liệu Polypropylene Chưa tiệt trùng Chia vạch: 10, 50, 100 µl Không chứa DNA người Không chứa chất ức chế PCR Không chứa Pyrogen Đóng gói: ≥1000 cái/ túi Hạn sử dụng ≥ 12 tháng kể từ ngày giao
33	Quần áo bảo hộ	Bộ chống dịch 7 món được đóng gói trong 1 bao nhựa, tiệt trùng Bao gồm: áo quần mũ, khẩu trang, bao giày, găng tay cao su và kính bảo hộ 1 kích cỡ phù hợp với tất cả mọi người Bảo vệ người sử dụng tuyệt đối khỏi sự xâm lược

Hạng mục số	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
		của virut, vi khuẩn, khí độc, hóa chất... Sử dụng 1 lần Hạn sử dụng ≥ 8 tháng kể từ ngày giao
34	Găng tay	Chất liệu: cao su Nitril nhân tạo Loại không bột chưa tiệt trùng: dùng cho cả 2 tay; bề mặt đầu ngón tay nhám; xe viền cổ tay Tiêu chuẩn chất lượng: Phù hợp với các tiêu chuẩn ASTM D6319, EN455. Sản xuất theo hệ thống quản lý chất lượng ISO 13485:2016; ISO 22000:2018; ISO 9001:2015; SA 8000:2014 hoặc tương đương Chiều dài: ≥230 min Chiều rộng: 75 ± 5 (XS), 85 ± 5 (S), 95 ± 5 (M), 105 ± 5 (L), 115 ± 5 (XL) Độ dày: ≥0.08 min (Ngón tay), ≥0.06 min (Lòng bàn tay) Đóng gói: ≥50 đôi/ Hộp Hạn sử dụng ≥ 12 tháng kể từ ngày giao
35	Khẩu trang y tế	Đóng gói: ≥50 cái/hộp Thành phần: Vải không dệt 3 lớp; dây thun móc tai; nẹp mũi nhựa (hoặc kim loại) Ứng dụng: Khẩu trang y tế tác dụng hiệu quả trong việc ngăn ngừa bụi, vi khuẩn và các bệnh lây qua đường hô hấp Độ lọc: khuẩn BFE (%) ≥ 95%; hạt PFE (%) ≥ 95% Đạt tiêu chuẩn: TCVN 8389-1:2010, EN14683:2019, ASTM F2100-19 hoặc tương đương
C	**VẬT TƯ, NGUYÊN LIỆU THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH QUỐC GIA PHÒNG, CHỐNG BỆNH LỞ MỒM LONG MÓNG**	
I	**Vật tư xét nghiệm Giám sau tiêm phòng bệnh LMLM do Chi cục CNTY vùng I gửi mẫu**	
36	Tween 20	Đặc điểm: Chất lỏng nhớt Độ tinh sạch (GC): ≥ 40% Dùng để ngăn ngừa sự gắn kết không đặc hiệu của kháng thể, giảm thiểu nền nhuộm và đảm bảo sự phân bố đều của các thuốc thử trong các kỹ thuật miễn dịch mô học, bao gồm Western blotting và ELISA Đóng gói: ≥100ml/chai Hạn sử dụng ≥ 8 tháng kể từ ngày giao

Hạng mục số	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
37	FMDV inactivated antigen serotype O	Mục tiêu: sử dụng trong các phương pháp phân tích trong phòng thí nghiệm liên quan đến các phản ứng miễn dịch của bệnh lở mồm long móng trên động vật; Nguồn gốc: Thận Hamster con, được sản xuất trong môi trường nuôi cấy tế bào có chứa huyết thanh bò Đặc tính: Bảo quản ở nhiệt độ âm sâu, khi sử dụng pha với dung dịch buffer theo qui định của nhà sản xuất; Bảo quản: ở nhiệt độ -80oC Đóng gói: ≥1ml/ lọ Hạn sử dụng ≥ 8 tháng kể từ ngày giao
38	Rabbit antisera against FMDV serotype O	Mục tiêu: sử dụng trong các phương pháp phân tích trong phòng thí nghiệm liên quan đến các phản ứng miễn dịch của bệnh lở mồm long móng trên động vật; Đặc tính: Dạng đông khô, khi sử dụng phải hoàn nguyên với dung dịch tiêu chuẩn theo qui định của nhà sản xuất.; Bảo quản: ở nhiệt độ -20oC hoặc thấp hơn ngay sau khi hoàn nguyên. Đóng gói: ≥0.5 ml/ Lọ Hạn sử dụng ≥ 8 tháng kể từ ngày giao
39	Guinea pig antisera against FMDV serotype O	Mục tiêu: sử dụng trong các phương pháp phân tích trong phòng thí nghiệm liên quan đến các phản ứng miễn dịch của bệnh lở mồm long móng trên động vật; Đặc tính: Dạng đông khô, khi sử dụng phải hoàn nguyên với dung dịch tiêu chuẩn theo qui định của nhà sản xuất Bảo quản: ở nhiệt độ -20oC hoặc thấp hơn ngay sau khi hoàn nguyên. Đóng gói: ≥0.5 ml/ Lọ Hạn sử dụng ≥ 8 tháng kể từ ngày giao
40	FMDV strong positive bovine antisera FMDV serotype O	Mục tiêu: sử dụng trong các phương pháp phân tích trong phòng thí nghiệm liên quan đến các phản ứng miễn dịch của bệnh lở mồm long móng trên động vật; Đặc tính: Dạng đông khô, khi sử dụng phải hoàn nguyên với dung dịch tiêu chuẩn theo qui định của nhà sản xuất.;

Hạng mục số	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
		Bảo quản: ở nhiệt độ -20oC hoặc thấp hơn ngay sau khi hoàn nguyên. Đóng gói: ≥0.5 ml/ Lọ Hạn sử dụng ≥ 8 tháng kể từ ngày giao
41	FMDV weak positive bovine antisera FMDV serotype O	Mục tiêu: sử dụng trong các phương pháp phân tích trong phòng thí nghiệm liên quan đến các phản ứng miễn dịch của bệnh lở mồm long móng trên động vật; Đặc tính: Dạng đông khô, khi sử dụng phải hoàn nguyên với dung dịch tiêu chuẩn theo qui định của nhà sản xuất.; Bảo quản: ở nhiệt độ -20oC hoặc thấp hơn ngay sau khi hoàn nguyên. Đóng gói: ≥0.5 ml/ Lọ Hạn sử dụng ≥ 8 tháng kể từ ngày giao
42	Conjugate: Rabbit Anti-Guinea Pig, HRP	Mục tiêu: sử dụng trong các phương pháp phân tích trong phòng thí nghiệm liên quan đến các phản ứng miễn dịch (ELISA) Loài phản ứng: Guinea pig Host/Isotype: Rabbit / IgG Conjugate: HRP Nồng độ ≥1 mg/mL Đệm bảo quản: PBS, pH 7.4, với 4mg/mL BSA, 40% glycerol Đặc tính: Dạng lỏng. Bảo quản: ở nhiệt độ 4° C. Đóng gói: ≥1ml/ lọ Hạn sử dụng ≥ 8 tháng kể từ ngày giao
43	Phosphate buffered saline	1 viên sau khi pha tạo ra dung dịch đệm phosphat 0.01 M, potassium chloride 0.0027 M và sodium chloride 0.137 M, pH 7.4 ở 25 °C pH 7.2-7.6 (1 viên/200 mL) Có thể sử dụng để pha loãng kháng thể trong phản ứng Elisa Đóng gói: ≥100 viên/ Lọ Hạn sử dụng ≥ 12 tháng kể từ ngày giao
44	TMB	BioFX®TMB Super Sensitive One HRP Substrate Thuốc thử chứa 3,3',5,5' tetramethylbenzidine (TMB) được cung cấp ở dạng pha sẵn. Dùng cho các phản ứng Elisa

Hạng mục số	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
		Hạn sử dụng ≥ 8 tháng kể từ ngày giao Đóng gói: ≥1lít/ Chai
45	Đĩa nhựa Nunc – immuno Plate	Đĩa 96 giếng; Không có nắp; Được dùng cho thử nghiệm miễn dịch Màu sắc: Trong suốt Chất liệu: Polystyrene; Thể tích giếng ≥400 µL; Thể tích làm việc ≥350 µL Không tiệt trùng; Đóng gói: ≥60 cái/ Thùng Hạn sử dụng ≥ 8 tháng kể từ ngày giao
46	Ống Eppendorf 1,7 ml	Thể tích: 1.7 ml Chất liệu Polypropylene Chiều dài ống ≥38.98 mm Chịu được lực ly tâm ≥ 24.000 xg Dải nhiệt độ: -80°C đến + 121°C Phù hợp với hầu hết các rotor tiêu chuẩn Không bị bật nắp do áp suất Đóng gói: ≥500 cái/ túi Hạn sử dụng ≥ 8 tháng kể từ ngày giao
47	Đầu tip 200 µl không lọc	Dải thể tích: 1-200 µl Đầu tip không lọc Chất liệu Polypropylene Chưa tiệt trùng Chia vạch: 10, 50, 100 µl Không chứa DNA người Không chứa chất ức chế PCR Không chứa Pyrogen Đóng gói: ≥1000 cái/ túi Hạn sử dụng ≥ 12 tháng kể từ ngày giao
48	Găng tay	Chất liệu: cao su Nitril nhân tạo Loại không bột chưa tiệt trùng: dùng cho cả 2 tay; bề mặt đầu ngón tay nhám; xe viền cổ tay Tiêu chuẩn chất lượng: Phù hợp với các tiêu chuẩn ASTM D6319, EN455. Sản xuất theo hệ thống quản lý chất lượng ISO 13485:2016; ISO 22000:2018; ISO 9001:2015; SA 8000:2014 hoặc tương đương Chiều dài: ≥230 min Chiều rộng: 75 ± 5 (XS), 85 ± 5 (S), 95 ± 5 (M), 105 ± 5 (L), 115 ± 5 (XL) Độ dày: ≥0.08 min (Ngón tay), ≥0.06 min (Lòng

Hạng mục số	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
		bàn tay) Đóng gói: ≥50 đôi/ Hộp Hạn sử dụng ≥ 12 tháng kể từ ngày giao
49	Khẩu trang y tế	Đóng gói: ≥50 cái/hộp Thành phần: Vải không dệt 3 lớp; dây thun móc tai; nẹp mũi nhựa (hoặc kim loại) Ứng dụng: Khẩu trang y tế tác dụng hiệu quả trong việc ngăn ngừa bụi, vi khuẩn và các bệnh lây qua đường hô hấp Độ lọc: khuẩn BFE (%) ≥ 95%; hạt PFE (%) ≥ 95% Đạt tiêu chuẩn: TCVN 8389-1:2010, EN14683:2019, ASTM F2100-19 hoặc tương đương
II	**Vật tư tiêu hao - Đánh giá hiệu lực vắc xin LMLM trên lợn**	
50	Găng tay	Chất liệu: cao su Nitril nhân tạo Loại không bột chưa tiệt trùng: dùng cho cả 2 tay; bề mặt đầu ngón tay nhám; xe viền cổ tay Tiêu chuẩn chất lượng: Phù hợp với các tiêu chuẩn ASTM D6319, EN455. Sản xuất theo hệ thống quản lý chất lượng ISO 13485:2016; ISO 22000:2018; ISO 9001:2015; SA 8000:2014 hoặc tương đương Chiều dài: ≥230 min Chiều rộng: 75 ± 5 (XS), 85 ± 5 (S), 95 ± 5 (M), 105 ± 5 (L), 115 ± 5 (XL) Độ dày: ≥0.08 min (Ngón tay), ≥0.06 min (Lòng bàn tay) Đóng gói: ≥50 đôi/ Hộp Hạn sử dụng ≥ 12 tháng kể từ ngày giao
51	Khẩu trang y tế	Đóng gói: ≥50 cái/hộp Thành phần: Vải không dệt 3 lớp; dây thun móc tai; nẹp mũi nhựa (hoặc kim loại) Ứng dụng: Khẩu trang y tế tác dụng hiệu quả trong việc ngăn ngừa bụi, vi khuẩn và các bệnh lây qua đường hô hấp Độ lọc: khuẩn BFE (%) ≥ 95%; hạt PFE (%) ≥ 95% Đạt tiêu chuẩn: TCVN 8389-1:2010, EN14683:2019, ASTM F2100-19 hoặc tương đương
52	Ống Eppendorf 1,7 ml	Thể tích: 1.7 ml Chất liệu Polypropylene

Hạng mục số	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
		Chiều dài ống ≥38.98 mm Chịu được lực ly tâm ≥ 24.000 xg Dải nhiệt độ: -80°C đến + 121°C Phù hợp với hầu hết các rotor tiêu chuẩn Không bị bật nắp do áp suất Đóng gói: ≥500 cái/ túi Hạn sử dụng ≥ 8 tháng kể từ ngày giao
53	Syringe 5ml	Đóng gói: ≥100 cái/ hộp Loại 5ml; Vật liệu làm đốc kim, nắp đậy đầu kim: Nhựa PP nguyên sinh dùng trong y tế. Chất liệu làm thân kim tiêm: Thép không gỉ, có đủ độ cứng cơ khí và không bị oxy hóa. Piston di chuyển dễ dàng trong xilanh, khí và dung dịch không lọt qua giăng ở đầu bịt piston. Hạn sử dụng ≥ 12 tháng kể từ ngày giao
54	Quần áo bảo hộ	Bộ chống dịch 7 món được đóng gói trong 1 bao nhựa, tiệt trùng Bao gồm: áo quần mũ, khẩu trang, bao giày, găng tay cao su và kính bảo hộ 1 kích cỡ phù hợp với tất cả mọi người Bảo vệ người sử dụng tuyệt đối khỏi sự xâm lược của virut, vi khuẩn, khí độc, hóa chất... Sử dụng 1 lần Hạn sử dụng ≥ 8 tháng kể từ ngày giao
55	Kim tiêm 20G	Đóng gói: ≥100 cái/ hộp Kim 20G: Kim lấy thuốc, sử dụng 1 lần, được khử trùng bằng khí E.O Kích thước: 20Gx1.1/2; Có nắp đậy đầu kim Thân kim làm bằng thép không gỉ; Không chứa chất gây sốt, độc tố Hạn sử dụng ≥ 12 tháng kể từ ngày giao
56	Tip lọc 1000ul	Đóng gói: ≥100 cái/ hộp Dải thể tích: 100-1000 µl Đầu tip có lọc, màng lọc trơ, ngăn ngừa nhiễm. Bộ lọc không chứa tạp chất. Kích thước lỗ nhỏ, <20 microns Chất liệu Polypropylene Chiều dài tip ≥72.3 mm Đã tiệt trùng Không chia vạch

Hạng mục số	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
		Không có RNase/DNase Không chứa DNA người Không chứa chất ức chế PCR Không chứa Pyrogen Tuân theo tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương Hạn sử dụng ≥ 12 tháng kể từ ngày giao
57	Tip lọc 200ul	Đóng gói: ≥96 cái/ hộp Dải thể tích: 1-200 µl Đầu tip có lọc, màng lọc trơ, ngăn ngừa nhiễm. Bộ lọc không chứa tạp chất. Kích thước lỗ nhỏ, <20 microns Chất liệu Polypropylene Chiều dài tip ≥58.57 mm Đã tiệt trùng Chia vạch: 10, 50, 100 µl Không có RNase/DNase Không chứa DNA người Không chứa chất ức chế PCR Không chứa Pyrogen Tuân theo tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương Hạn sử dụng ≥ 12 tháng kể từ ngày giao
58	Tip lọc 20ul	Đầu tip có lọc 20 µL Chất liệu: polypropylene Đã tiệt trùng Chiều dài ≥5.1 cm Không chứa DNase, RNase, DNA, ATP, PCR Inhibitor, và Pyrogen Đóng gói: ≥96 cái/ hộp Hạn sử dụng ≥ 12 tháng kể từ ngày giao
59	Kit 3ABC ELISA	Đóng gói: ≥5 đĩa/ kít Dùng để phát hiện kháng thể kháng protein không cấu trúc 3ABC của vi rút Lở mồm long móng Loại mẫu: huyết thanh gia súc, dê, cừu và lợn. Thành phần nguyên liệu: + Test plate: 5 đĩa + Conjugate 30x: 1 x 2.2 ml + Dilution Buffer 2x: 1 x 60 ml + Additive: 5 x 2.5 ml + Demineralized Water: 2 x 10ml + Washing Fluid 200X: 1 x 60 ml + Positive Control: 1 x 3.2 ml

Hạng mục số	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
		+ Weak Positive Control: 1x 3.2 ml + Negative Control: 1x 3.2 ml + Chromogen TMB substrate: 1 x 60 ml + Stop Solution: 1 x 60 ml Hạn sử dụng ≥ 12 tháng kể từ ngày giao
60	Kit chiết tách RNA/DNA	Mục đích: Tách chiết DNA/RNA của vi rút Loại mẫu: huyễn dịch, mẫu huyết thanh và môi trường bảo quản. Thành phần: ≥18 mL Magnetic Bead, ≥180mL Lysis Buffer, ≥135mL Washing Buffer A, ≥40mL Washing Buffer B, ≥64mL Eluting Buffer Công nghệ: Công nghệ tách chiết từ tính bằng các hạt từ phủ silica; Đóng gói: ≥320 test/bộ Hạn sử dụng ≥ 10 tháng kể từ ngày giao
61	Kit nhân gen qScript XLT One-Step RT-qPCRToughMix	Mục tiêu: Sử dụng cho phản ứng RT-qPCR sử dụng khuôn mẫu là RNA Thể tích cho 1 phản ứng là 20 µL Độ đặc hiệu: Là sản phẩm lý tưởng cho việc định lượng virus RNA Thành phần: Dung dịch đệm phản ứng 2X chứa dATP, dCTP, dGTP, dTTP, magnesium chloride, qScript XLT reverse transcriptase, RNase inhibitor protein, hot-start DNA polymerase, AccuVue blue qPCR dye và stabilizers. Bảo quản: -15°C đến -25°C, tránh ánh sáng Đóng gói: ≥500 phản ứng/bộ Hạn sử dụng ≥ 8 tháng kể từ ngày giao
D	**VẬT TƯ, NGUYÊN LIỆU THỰC HIỆN KẾ HOẠCH QUỐC GIA PHÒNG, CHỐNG BỆNH CÚM GIA CẦM**	
I	**Vật tư, nguyên liệu xét nghiệm Đánh giá hiệu lực vắc xin cúm gia cầm**	
62	Găng tay	Chất liệu: cao su Nitril nhân tạo Loại không bột chưa tiệt trùng: dùng cho cả 2 tay; bề mặt đầu ngón tay nhám; xe viền cổ tay Tiêu chuẩn chất lượng: Phù hợp với các tiêu chuẩn ASTM D6319, EN455. Sản xuất theo hệ thống quản lý chất lượng ISO 13485:2016; ISO 22000:2018; ISO 9001:2015; SA 8000:2014 hoặc tương đương Chiều dài: ≥230 min

Hạng mục số	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
		Chiều rộng: 75 ± 5 (XS), 85 ± 5 (S), 95 ± 5 (M), 105 ± 5 (L), 115 ± 5 (XL) Độ dày: ≥0.08 min (Ngón tay), ≥0.06 min (Lòng bàn tay) Đóng gói: ≥50 đôi/ Hộp Hạn sử dụng ≥ 12 tháng kể từ ngày giao
63	Khẩu trang y tế	Đóng gói: ≥50 cái/hộp Thành phần: Vải không dệt 3 lớp; dây thun móc tai; nẹp mũi nhựa (hoặc kim loại) Ứng dụng: Khẩu trang y tế tác dụng hiệu quả trong việc ngăn ngừa bụi, vi khuẩn và các bệnh lây qua đường hô hấp Độ lọc: khuẩn BFE (%) ≥ 95%; hạt PFE (%) ≥ 95% Đạt tiêu chuẩn: TCVN 8389-1:2010, EN14683:2019, ASTM F2100-19 hoặc tương đương
64	Quần áo bảo hộ	Bộ chống dịch 7 món được đóng gói trong 1 bao nhựa, tiệt trùng Bao gồm: áo quần mũ, khẩu trang, bao giày, găng tay cao su và kính bảo hộ 1 kích cỡ phù hợp với tất cả mọi người Bảo vệ người sử dụng tuyệt đối khỏi sự xâm lược của virut, vi khuẩn, khí độc, hóa chất... Sử dụng 1 lần Hạn sử dụng ≥ 8 tháng kể từ ngày giao
65	Túi đựng rác y tế	Đóng gói: Kg Kích Thước: ≥37×60 cm Tải Trọng: Túi đựng được tối đa 10 kg hàng hóa hoặc rác thải Màu sắc: Màu Đen
66	Syringe 5ml	Đóng gói: ≥100 cái/ hộp Loại 5ml; Vật liệu làm đốc kim, nắp đậy đầu kim: Nhựa PP nguyên sinh dùng trong y tế. Chất liệu làm thân kim tiêm: Thép không gỉ, có đủ độ cứng cơ khí và không bị oxy hóa. Piston di chuyển dễ dàng trong xilanh, khí và dung dịch không lọt qua giăng ở đầu bịt piston. Hạn sử dụng ≥ 12 tháng kể từ ngày giao
67	Tip lọc 1000ul	Đóng gói: ≥100 cái/ hộp Dải thể tích: 100-1000 µl

Hạng mục số	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
		Đầu tip có lọc, màng lọc trơ, ngăn ngừa nhiễm. Bộ lọc không chứa tạp chất. Kích thước lỗ nhỏ, <20 microns Chất liệu Polypropylene Chiều dài tip ≥72.3 mm Đã tiệt trùng Không chia vạch Không có RNase/DNase Không chứa DNA người Không chứa chất ức chế PCR Không chứa Pyrogen Tuân theo tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương Hạn sử dụng ≥ 12 tháng kể từ ngày giao
68	Tip lọc 200ul	Đóng gói: ≥96 cái/ hộp Dải thể tích: 1-200 µl Đầu tip có lọc, màng lọc trơ, ngăn ngừa nhiễm. Bộ lọc không chứa tạp chất. Kích thước lỗ nhỏ, <20 microns Chất liệu Polypropylene Chiều dài tip ≥58.57 mm Đã tiệt trùng Chia vạch: 10, 50, 100 µl Không có RNase/DNase Không chứa DNA người Không chứa chất ức chế PCR Không chứa Pyrogen Tuân theo tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương Hạn sử dụng ≥ 12 tháng kể từ ngày giao
69	Tip lọc 20ul	Đầu tip có lọc 20 µL Chất liệu: polypropylene Đã tiệt trùng Chiều dài ≥5.1 cm Không chứa DNase, RNase, DNA, ATP, PCR Inhibitor, và Pyrogen Đóng gói: ≥96 cái/ hộp Hạn sử dụng ≥ 12 tháng kể từ ngày giao
70	Ống Eppendorf 1,7 ml	Thể tích: 1.7 ml Chất liệu Polypropylene Chiều dài ống ≥38.98 mm Chịu được lực ly tâm ≥ 24.000 xg Dải nhiệt độ: -80°C đến + 121°C

Hạng mục số	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
		Phù hợp với hầu hết các rotor tiêu chuẩn Không bị bật nắp do áp suất Đóng gói: ≥500 cái/ túi Hạn sử dụng ≥ 8 tháng kể từ ngày giao
71	Ống và nắp PCR 0,1 ml	Đặc tính: Low-Profile Nắp phẳng, màu sắc trong suốt dùng cho phản ứng real-time PCR Thành ống mỏng giúp truyền nhiệt hiệu quả Nắp an toàn khít đảm bảo bay hơi tối thiểu Chất liệu: polypropylene Được chứng nhận không chứa RNase, DNase, DNA người và không chứa pyrogen. Được thiết kế chuyên biệt cho hệ thống Bio-Rad CFX và tương thích với hệ thống ABI® Fast và nhiều thiết bị real-time sử dụng strip 8 ống 0.1 ml Thể tích: 0.1 ml Dải 8 ống 0.1 ml và 8 nắp Đóng gói: ≥120 strip/hộp Hạn sử dụng ≥ 12 tháng kể từ ngày giao
72	Môi trường MEM	Dùng trong nuôi cấy tế bào Nồng độ: 1X Đã lọc tiệt trùng Chứa Low Glucose, Glutamine, Phenol Red Không chứa: HEPES, Sodium Pyruvate Tuân thủ cGMP, ISO 13485 hoặc tương đương Đóng gói: ≥500ml/ chai Hạn sử dụng ≥ 8 tháng kể từ ngày giao
73	Kit chiết tách RNA/DNA	Mục đích: Tách chiết DNA/RNA của vi rút Loại mẫu: huyễn dịch, mẫu huyết thanh và môi trường bảo quản. Thành phần: ≥18 mL Magnetic Bead, ≥180mL Lysis Buffer, ≥135mL Washing Buffer A, ≥40mL Washing Buffer B, ≥64mL Eluting Buffer Công nghệ: Công nghệ tách chiết từ tính bằng các hạt từ phủ silica; Đóng gói: ≥320 test/bộ Hạn sử dụng ≥ 10 tháng kể từ ngày giao
74	Kit nhân gen qScript XLT One-Step RT-qPCRToughMix	Mục tiêu: Sử dụng cho phản ứng RT-qPCR sử dụng khuôn mẫu là RNA Thể tích cho 1 phản ứng là 20 µL Độ đặc hiệu: Là sản phẩm lý tưởng cho việc định

Hạng mục số	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
		lượng virus RNA Thành phần: Dung dịch đệm phản ứng 2X chứa dATP, dCTP, dGTP, dTTP, magnesium chloride, qScript XLT reverse transcriptase, RNase inhibitor protein, hot-start DNA polymerase, AccuVue blue qPCR dye và stabilizers. Bảo quản: -15°C đến -25°C, tránh ánh sáng Đóng gói: ≥500 phản ứng/bộ Hạn sử dụng ≥ 8 tháng kể từ ngày giao
75	Ethanol Absolute	Độ tinh khiết ≥ 99.9 % Dùng cho phân tích Bảo quản nhiệt độ phòng Đóng chai: ≥2.5 lit/ chai Hạn sử dụng ≥ 12 tháng kể từ ngày giao
E	**VẬT TƯ, NGUYÊN LIỆU THỰC HIỆN KẾ HOẠCH QUỐC GIA PHÒNG, CHỐNG BỆNH VIÊM DA NỔI CỤC**	
I	**Vật tư, nguyên liệu xét nghiệm - Giám sát sự lưu hành của vi rút VDNC do Chi cục CNTY vùng I gửi mẫu**	
76	Kit chiết tách RNA/DNA	Mục đích: Tách chiết DNA/RNA của vi rút Loại mẫu: huyễn dịch, mẫu huyết thanh và môi trường bảo quản. Thành phần: ≥18 mL Magnetic Bead, ≥180mL Lysis Buffer, ≥135mL Washing Buffer A, ≥40mL Washing Buffer B, ≥64mL Eluting Buffer Công nghệ: Công nghệ tách chiết từ tính bằng các hạt từ phủ silica; Đóng gói: ≥320 test/bộ Hạn sử dụng ≥ 10 tháng kể từ ngày giao
77	Kit nhân gen	Mục tiêu: Sử dụng cho phản ứng qRT-PCR sử dụng khuôn mẫu là RNA Phương pháp: 1-step RT-qPCR Dùng trong: Biểu hiện gen, phát hiện mầm bệnh, phát hiện virus Bảo quản: -20°C; Đóng gói: ≥100 phản ứng/ Kít Hạn sử dụng ≥ 12 tháng kể từ ngày giao
78	Tip lọc 1000ul	Đóng gói: ≥100 cái/ hộp Dải thể tích: 100-1000 µl Đầu tip có lọc, màng lọc trơ, ngăn ngừa nhiễm. Bộ lọc không chứa tạp chất. Kích thước lỗ nhỏ, <20 microns

Hạng mục số	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
		Chất liệu Polypropylene Chiều dài tip ≥72.3 mm Đã tiệt trùng Không chia vạch Không có RNase/DNase Không chứa DNA người Không chứa chất ức chế PCR Không chứa Pyrogen Tuân theo tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương Hạn sử dụng ≥ 12 tháng kể từ ngày giao
79	Tip lọc 200ul	Đóng gói: ≥96 cái/ hộp Dải thể tích: 1-200 µl Đầu tip có lọc, màng lọc trơ, ngăn ngừa nhiễm. Bộ lọc không chứa tạp chất. Kích thước lỗ nhỏ, <20 microns Chất liệu Polypropylene Chiều dài tip ≥58.57 mm Đã tiệt trùng Chia vạch: 10, 50, 100 µl Không có RNase/DNase Không chứa DNA người Không chứa chất ức chế PCR Không chứa Pyrogen Tuân theo tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương Hạn sử dụng ≥ 12 tháng kể từ ngày giao
80	Tip lọc 20ul	Đầu tip có lọc 20 µL Chất liệu: polypropylene Đã tiệt trùng Chiều dài ≥5.1 cm Không chứa DNase, RNase, DNA, ATP, PCR Inhibitor, và Pyrogen Đóng gói: ≥96 cái/ hộp Hạn sử dụng ≥ 12 tháng kể từ ngày giao
81	Ống Eppendorf 1,7 ml	Thể tích: 1.7 ml Chất liệu Polypropylene Chiều dài ống ≥38.98 mm Chịu được lực ly tâm ≥ 24.000 xg Dải nhiệt độ: -80°C đến + 121°C Phù hợp với hầu hết các rotor tiêu chuẩn Không bị bật nắp do áp suất

Hạng mục số	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
		Đóng gói: ≥500 cái/ túi Hạn sử dụng ≥ 8 tháng kể từ ngày giao
82	Virkon	Đóng gói: ≥500 g/túi Đặc trưng sản phẩm: - Thành phần: + Peroxygen (Potassium monopersulphate triple salt) ≥49,8% + Organic acid (Malid acid) ≥9,3% + Inorganic buffer system (Sodium hexametaphosphate, Sodium chloride, Sulphamic acid) ≥9,3% + Surfactant (Sodium dodecyl benzene sulphonate) ≥13,3% - Dạng bột. - Thuốc sát trùng bề mặt chuồng trại, dụng cụ, xe cộ, hệ thống cấp nước, nước uống, không khí, hố nhúng giày ủng, bánh xe. Hạn sử dụng ≥ 8 tháng kể từ ngày giao
83	Túi đựng rác y tế	Đóng gói: Kg Kích Thước: ≥37×60 cm Tải Trọng: Túi đựng được tối đa 10 kg hàng hóa hoặc rác thải Màu sắc: Màu Đen
84	Găng tay	Chất liệu: cao su Nitril nhân tạo Loại không bột chưa tiệt trùng: dùng cho cả 2 tay; bề mặt đầu ngón tay nhám; xe viền cổ tay Tiêu chuẩn chất lượng: Phù hợp với các tiêu chuẩn ASTM D6319, EN455. Sản xuất theo hệ thống quản lý chất lượng ISO 13485:2016; ISO 22000:2018; ISO 9001:2015; SA 8000:2014 hoặc tương đương Chiều dài: ≥230 min Chiều rộng: 75 ± 5 (XS), 85 ± 5 (S), 95 ± 5 (M), 105 ± 5 (L), 115 ± 5 (XL) Độ dày: ≥0.08 min (Ngón tay), ≥0.06 min (Lòng bàn tay) Đóng gói: ≥50 đôi/ Hộp Hạn sử dụng ≥ 12 tháng kể từ ngày giao
85	Khẩu trang y tế	Đóng gói: ≥50 cái/hộp Thành phần: Vải không dệt 3 lớp; dây thun móc tai; nẹp mũi nhựa (hoặc kim loại)

Hạng mục số	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
		Ứng dụng: Khẩu trang y tế tác dụng hiệu quả trong việc ngăn ngừa bụi, vi khuẩn và các bệnh lây qua đường hô hấp Độ lọc: khuẩn BFE (%) ≥ 95%; hạt PFE (%) ≥ 95% Đạt tiêu chuẩn: TCVN 8389-1:2010, EN14683:2019, ASTM F2100-19 hoặc tương đương

Ghi chú: Bất kỳ thương hiệu, nhãn hiệu nào nếu có trong bảng yêu cầu kỹ thuật đều mang tính chất minh họa các tiêu chuẩn chất lượng, tính năng kỹ thuật yêu cầu. Nhà thầu có thể lựa chọn dự thầu hàng hóa có nguồn gốc, xuất xứ, nhà sản xuất, thương hiệu phù hợp với điều kiện cung cấp nhưng phải đảm bảo yêu cầu có thông số kỹ thuật, tính năng sử dụng, tiêu chuẩn "tương đương" hoặc tốt hơn so với các yêu cầu cụ thể ở dưới và cung cấp tài liệu chứng minh sự đáp ứng tương đương hoặc tốt hơn của hàng hóa chào thầu so với yêu cầu của E-HSMT. Nội hàm tương đương được quy định trong yêu cầu kỹ thuật được hiểu là:

(1) Được cơ quan có thẩm quyền chứng nhận tương đương tiêu chuẩn

(2) Tương đương về chất lượng hình ảnh, độ chính xác màu sắc và góc nhìn.

(3) Tương đương về hàm lượng, nồng độ, tính chất

Nhà thầu phải cung cấp Catalogue hoặc COA hoặc tài liệu kỹ thuật khác tương đương của hãng sản xuất hàng hóa để chứng minh thông số kỹ thuật đáp ứng yêu cầu của E-HSMT; Catalogue; COA; tài liệu kỹ thuật được sử dụng bằng Tiếng Anh hoặc Tiếng Việt; Trường hợp các tài liệu này không phải bằng tiếng Việt thì phải đính kèm bản dịch tiếng Việt và nhà thầu chịu trách nhiệm về tính chính xác nội dung bản dịch. Bản dịch tiếng Vi ệt có thể dịch toàn bộ tài liệu hoặc tóm tắt nội dung nhưng phải chứng minh được hàng hoá đáp ứng đầy đủ các yêu cầu tại Chương V của E-HSMT.

- Các tiêu chuẩn kỹ thuật của các nhà thầu nêu trong E-HSDT phải thể hiện trên catalogue và tài liệu kỹ thuật. Nhà thầu chào các TSKT của hàng hóa theo thứ tự yêu cầu và ghi rõ thông số kỹ thuật tham chiếu tại trang nào của catalogue, tài liệu kỹ thuật hay hướng dẫn sử dụng và phải có đánh dấu **(note hoặc highlight tại tài liệu kỹ thuật tương ứng)**.

1.3 Yêu cầu khác

- Nhà thầu phải Nộp Bảng đáp ứng về kỹ thuật của hàng hóa chào thầu theo mẫu sau:

STT Nhà thầu chào	Tên hàng hoá theo	Yêu cầu thông số kỹ thuật, tiêu chuẩn chất lượng,	Ký mã hiệu/ Nhãn mác sản phẩm (nếu có) Mức độ đáp ứng thông số kỹ thuật, tiêu chuẩn chất	Tài liệu tham chiếu trong E-HSDT

	E-HSMT	đặc tính kỹ thuật trong E-HSMT	lượng, đặc tính kỹ thuật tại HSDT	
(1)	**(2)**	**(3)**	**(4)**	**(5)**
1				Trang ... của Catalogue, tài liệu sử dụng hoặc các tài liệu khác tương đương, thuộc E-HSDT
...				
n				

(Ghi chú:

- *Cột (1); (2); (3): Nhà thầu ghi thông tin theo yêu cầu của E-HSMT*
- *Cột (4); (5): Nhà thầu ghi các thông tin hàng hoá dự thầu; tài liệu chứng minh cho các thông tin kê khai.*

Bảng đáp ứng về kỹ thuật của hàng hóa chào thầu nêu trên cùng tài liệu kỹ thuật chứng minh là cơ sở đánh giá về mặt kỹ thuật của Hàng hóa dự thầu.

Mục 2. Bản vẽ

Không có bản vẽ.

Trường hợp có bản vẽ thì phải đính kèm theo bản vẽ.

Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm

* Các kiểm tra và thử nghiệm cần tiến hành gồm có:

- Địa điểm: Tại địa điểm bàn giao hàng hóa

- Kiểm tra, thử nghiệm sẽ được tiến hành khi hàng đến địa điểm bàn giao theo yêu cầu của E-HSMT.

- Chủ đầu tư sẽ trực tiếp kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa với sự chứng kiến của nhà thầu

- Trường hợp hàng hóa không phù hợp với đặc tính kỹ thuật theo hợp đồng thì Chủ đầu tư có quyền từ chối và nhà thầu phải có trách nhiệm thay thế hoặc tiến hành những điều chỉnh cần thiết để đáp ứng đúng các yêu cầu về đặc tính kỹ thuật. Trường hợp nhà thầu không có khả năng thay thế hay điều chỉnh hàng hóa không phù hợp. Chủ đầu tư có quyền tổ chức việc thay thế hay điều chỉnh nếu thấy cần thiết, mọi rủi ro và chi phí liên quan do Nhà thầu chịu. Việc thực hiện kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa của Chủ đầu tư không dẫn đến miễn trừ nghĩa vụ

bảo hành hay các nghĩa vụ khác theo hợp đồng của Nhà thầu.